TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ R** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:10/2023/DS-ST
Ngày: 22/5/2023
V/v: "Tranh chấp về dân sự do vi phạm hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Rung K'Nhơn**.
Các Hội thẩm nhân dân: - bà: **Nguyễn Thị Trang**
- ông: **Nguyễn Văn Thu**

Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Yến** Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023; Tại hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ R, tỉnh Lâm Đồng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc *Tranh chấp về dân sự do vi phạm hợp đồng vay tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXX-ST ngày 09 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn*: bà Phạm Thúy H. Sinh năm: 1986.

Hộ khẩu thường trú: Thôn PC – Đ R – Đ R – Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị đơn*: bà **Phan Thị Bích P**. Sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn L H, xã Đ R, huyện Đ R, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 04 tháng 01 năm 2023 biên bản tự khai và lời trình bày của bà H tại phiên tòa hôm nay thì:

Xuất phát từ quan hệ quen biết, nên bà có cho bà Ph vay số tiền là 50.000.000đ. Cụ thể như sau, ngày 09/9/2018, bà Phan Thị Bích Ph có vay tiền của bà là 25.000.000đ, thời hạn cho vay là 03 tháng, lãi suất cho vay hai bên tự thỏa thuận. Đến ngày 25/9/2018 bà tiếp tục cho bà Ph vay thêm số tiền 25.000.000đ, thời hạn cho vay là 01 tháng. Lãi suất cho vay hai bên tự thỏa thuận. Quá trình vay, bà Ph đã bỏ trốn khỏi địa phương, nên bà không thể liên lạc được để yêu cầu bà Ph trả nợ, đến nay bà Ph chưa trả cho bà số tiền gốc cũng như số tiền lãi suất. Vì vậy bà làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Ph phải trả cho bà số tiền gốc là 50.000.000đ và khoản tiền lãi là 31.050.000đ, tổng cộng cả gốc và lãi là 81.050.000đ, ngoài ra bà không còn ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai cũng như ý kiến trình bày của bị đơn bà Phượng trình bày:

Việc bà vay tiền của bà H, như bà Th trình bày là có. Tuy nhiên về khoản tiền lãi suất khi vay hai bên thỏa thuận là 3.000đ/triệu/ngày, trong quá trình vay bà có xin tiền lãi chỉ trả tiền gốc, nhưng bà H không đồng, nên đến nay bà không có tiền trả cho bà H, nay Bà H khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền gốc lãi thành 81.050.000đ, thì bà chỉ đồng ý trả cho bà H 50.000.000đ tiền gốc, còn tiền lãi do hoàn cảnh gia đình bà khó khan, nên bà không có tiền trả, vì vậy bà không đồng ý trả lãi, đồng thời số tiền gốc bà xin được trả dần, ngoài ra bà không còn ý kiến gì khác.

Tòa án đã triệu tập nguyên đơn, bị đơn để tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, bị đơn vẫn xin được trả dần.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, đối chiếu với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng việc bà Bà Ph vay tiền của bà H là có. Quá trình vay đến nay bà Ph chưa trả tiền gốc, tiền lãi cho bà H, nên bà H khởi kiện. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà H về khoản tiền gốc là hoàn toàn có căn cứ, đối với khoản tiền lãi do đến nay đã hết thời thời tính lãi, nên việc bà H yêu cầu bà Ph trả tiền lãi 31.050.000đ là không có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với khoản tiền gốc. Buộc bà Ph phải trả cho bà H số tiền gốc 50.000.000đ. Bác yêu cầu tính lãi của bà H.

Về án phí buộc bà H và bà Ph phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án**:

Xuất phát từ việc bà Phượng vay tiền của bà H, nhưng không chịu trả nợ, nên bà H làm đơn khởi kiện. Căn cứ theo quy định tại điều 26, điều 35 và điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện tranh chấp về dân sự do vi phạm hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ R.

[2] **Về nội dung vụ án**: Qua xem xét đánh giá chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai nhận của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay thì thấy rằng: Việc bà Ph vay tiền của bà H là có. Theo giấy vay mượn tiền mà hai bên xác lập vào ngày 09/9/2018 và 25/9/2018, thì tổng số tiền mà bà Ph vay của bà H là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Thời hạn cho vay là 03 tháng và 01 tháng tính từ ngày xác lập giấy vay. Qua trình vay đến nay bà Ph chưa trả cho bà H số tiền gốc. Vì vậy bà H khởi kiện yêu cầu bà Ph trả số tiền gốc 50.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ.

Đối với khoản tiền lãi vay. Theo giấy vay nợ mà hai bên xác lập thì lãi suất cho vay hai bên không ghi rõ laĩ suất cho vay là bao nhiêu, tại phiên tòa nguyên đơn thì cho rằng lãi suất cho vay là lãi suất theo lãi suất Ngân hàng cho vay, còn bị đơn thì cho rằng lãi suất cho vay là 3.000đ/triệu/ngày. Như vậy hai bên có tranh chấp về lãi suất, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự xác định lãi suất cho vay được tính bằng 50% so với lãi suất cho vay quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Việc Viện kiểm sát cho rằng, hợp đồng vay đã quá hạn, nhưng nguyên đơn không yêu cầu đòi nợ vay thì mất quyền tính lãi. Tuy nhiên trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu về cho vay, nên Hội đồng xét xử xác định việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất đối với khoản vay là hoàn toàn có căn cứ. Như vậy khoản tiền lãi bà bà Ph phải trả cho bà H là 50.000.000đ x 10% x 4,5 năm = 22.500.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 72.500.000đ.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 5% / trên số tiền bị bác là 8.55.000đ x 5% = 427.000đ, bị đơn bà Ph phải nộp án phí DSST là 72.500.000đ x 5% = 3.625.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Các Điều 463, 466, khoản 2 468 Bộ luật dân sự. Khoản 3 Điều 26, các Điều 35,39; Điều 186, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Phạm Thúy H. Buộc bà Phan Thị Bích Ph có trách nhiệm trả cho Phạm Thúy H số tiền gốc là 50.000.000đ và tiền lãi suất là 22.500.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 72.500.000đ (Bảy mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

"*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự*"

2. Về án phí: Buộc bà Phan Thị Bích Ph phải nộp 3.625.000đ. Bà H phải nộp 427.000đ. Hoàn trả lại cho Phạm Thúy H số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp 698.000đ theo biên lai thu tiền số 0010204 ngày 07/02/2023 của chi cục thi hành án huyện Đ R.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tóa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02 bản);
- VKSND huyện Đ R (01 bản);
- Chi cục THADS H. Đ R (01bản).
- Các đương sự. (02 bản)
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa